TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2023/DS-PT
Ngày: 24/7/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức.

Ông Nguyễn Thế Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2062/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Anh Trần Lâm Chí N, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978;

HKTT: F Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng giao dịch Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T,

khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Chị Trần Gia Hoài K, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: C, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978;

HKTT: F Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng giao dịch Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 3, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Chị Trần Gia Hoài K, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/12/2022, đơn rút đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Lâm Chí N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị P trình bày:

Anh N và chị K là anh em ruột. Vào tháng 7/2020, chị K có hỏi mượn anh N số tiền 200.000.000 đồng để mua đất. Chị K hứa một năm sau sẽ trả lại anh N số tiền trên. Vì là anh em ruột, nên anh N tin tưởng cho chị K mượn tiền mà không làm giấy tờ. Anh N đưa 200.000.000 đồng cho vợ của anh là chị V và chị V đưa cho chị K. Anh N và chị K thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, chị K đóng lãi cho anh N được 05 tháng thì ngưng không đóng lãi, số tiền lãi đã đóng là 50.000.000 đồng (Trong 50.000.000 đồng này, chị K đưa 25.000.000 đồng còn lại 25.000.000 đồng thì chị K vô hụi cho anh N, anh N đã hốt hụi xong). Đến tháng 7/2021, anh N yêu cầu chị K trả tiền vốn nhưng chị K không trả dẫn đến

hai bên có cự cãi. Khi đó, chị V điện thoại cho chị K và chị V có ghi âm lại cuộc nói chuyện.

Anh N yêu cầu chị K và chồng chị K là anh Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho anh N số tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến nay là 17 tháng, mức lãi suất 1%/tháng, với số tiền lãi phải trả là 34.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2023, anh N có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, anh N yêu cầu chị K trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến nay là 17 tháng, mức lãi suất 1%/tháng, với số tiền lãi phải trả là 34.000.000 đồng. Anh N không yêu cầu anh L có trách nhiệm liên đới trả tiền.

Bị đơn là chị Trần Gia Hoài K trình bày:

Chị không có mượn tiền của anh N. Chị có nhận tiền của anh N nhận nhiều lần, mỗi lần nhận bao nhiêu thì chị không nhớ nhưng tổng cộng là 200.000.000 đồng. Chị nhận tiền của anh N là do anh N nhờ chị lấy tiền đưa lại cho chị ruột của chị là Nguyễn Thị Thu H1 mượn để lấy tiền lãi, nhưng vì vợ anh N là chị V không thuận với gia đình bên chồng nên anh N nhờ chị nhận tiền đưa cho chị H1. Thực chất, chị H1 mới là người mượn tiền của anh N. Anh N cho chị H1 mượn tiền tính tiền lãi vào mỗi tháng. Chị H1 đưa tiền lai mỗi tháng cho chị và chị đưa lại cho anh N. Số tiền lãi mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Chị có giúp anh N nhận tiền lãi mỗi tháng của chị H1 và gửi số tiền đó lại cho vợ chồng anh N. Chị H1 đóng tiền lãi cho anh N hơn 02 năm thì chị H1 hết khả năng đóng lãi. Hiện tại, chị H1 đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng đi đâu thì chị không rõ. Chị V đã nhiều lần tự ý đăng hình ảnh của chị lên mạng xã hội và chị có nhờ Công an xã làm việc. Anh N cho rằng chị mượn tiền thì anh N phải có giấy tờ mượn tiền, nếu có giấy tờ thì chị sẽ chịu trách nhiệm.

Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh N. Anh N cho rằng chị mượn tiền để mua đất là không đúng. Chồng chị là anh L không biết việc chị nhận tiền của anh N đưa cho chị H1. Đối với đoạn băng ghi âm do nguyên đơn cung cấp, chị thừa nhận là giọng nói của chị, nhưng có nhiều đoạn lúc nóng giận nói qua nói lại chứ chị không có mượn tiền của anh N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ngọc V trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh Trần Lâm Chí N.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS–ST ngày 28 tháng 4

năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên:

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 207, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Lâm Chí N.

Buộc chị Trần Gia Hoài K có trách nhiệm trả cho anh Trần Lâm Chí N số tiền 201.866.000 đồng (hai trăm lẻ một triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) (gồm vốn gốc 200.000.000 đồng và lãi 1.866.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn L liên đới trả số tiền nợ trên cho anh Trần Lâm Chí N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2023, chị Trần Gia Hoài K có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vụ án, tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Trần Gia Hoài K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Gia H2 Khang kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị K thừa nhận có nhận của anh N số tiền 200.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là số tiền anh N cho chị H1 vay nên chị K nhận từ anh N và đưa lại cho chị H1. Khi chị H1 trả tiền lãi cho anh N thì chị H1 đưa cho chị K và chị K đưa tiền lãi lại cho anh N. Chị H1 đóng lãi cho anh N hơn 02 năm thì không còn khả năng đóng lãi và chị H1 có đưa chị K 25.000.000 đồng gửi trả tiền vốn cho anh N, chị H1 còn nợ lại anh N 175.000.000 đồng. Chị H1 đã không còn sống ở địa phương, chị K không liên lạc được với chị H1.

Trước lời trình bày của chị K, anh N không thừa nhận. Tòa án ra thông báo yêu cầu chị K cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình này của chị K là có căn cứ, nhưng chị K không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Anh N xác nhận anh cho chị K vay tiền với lãi suất mỗi tháng 5%, chị K đóng tiền lãi được 05 tháng, tổng số tiền lãi đã đóng là 50.000.000 đồng. Từ tháng 7/2021 đến nay, chị K không đóng tiền lãi và không trả tiền vốn cho anh N. Chị K không có chứng cứ chứng minh là anh N đưa tiền cho chị K để chị K đưa cho chị H1 vay nên lời trình bày của chị K là không có căn cứ để chấp nhận. Chị K thừa nhận có nhận tiền từ anh N, có đóng lãi với mức lãi suất 5%/tháng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày bị đơn thừa nhận có nhận tiền từ anh N nhưng nhận xong thì đưa lại cho chị H1, bị đơn có nhận tiền từ chị H1 để đóng tiền lãi cho anh N tổng cộng là 120.000.000 đồng và trả 25.000.000 đồng tiền vốn nhưng không có chứng cứ chứng minh cho vấn đề này.

Về tài liệu, chứng cứ là USB có chứa dữ liệu ghi âm, các đương sự đều không chứng minh được thời gian ghi âm nhưng qua lời khai của bị đơn là chị K đã thừa nhận giọng nói của chị trong đoạn ghi âm ngày 20/11/2021, nội dung

ghi âm cuộc đối thoại giữa chị V (vợ anh N) với chị K và chị K thừa nhận có nhận tiền của anh N, có đóng lãi nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị K không có chứng cứ chứng minh về việc trả xong nợ gốc nên cấp sơ thẩm giải quyết buộc bị đơn trả nợ gốc và tính lại tiền lãi là phù hợp. Do hai bên thừa nhận đoạn ghi âm ngày 20/11/2021 và thống nhất tại thời điểm ngày 20/11/2021 còn 04 tháng tiền lãi bị đơn chưa đóng cho nguyên đơn, vì vậy, xác định thời gian bị đơn ngưng đóng lãi là từ tháng 7 năm 2021. Phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 7/2021 là phù hợp nhưng cấp sơ thẩm lại tính lãi từ tháng 3/2021 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nên cần điều chỉnh phần tiền lãi như sau:

Tiền lãi được tính lại từ ngày 01/7/2021 đến ngày 28/4/2021, thời gian là 21 tháng 27 ngày, theo mức lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi là 43.799.892 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi và gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 243.799.892 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng đã có nhận của bị đơn tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi đã nhận là 50.000.000 đồng. Do đó, khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng mà bị đơn đã đưa cho nguyên đơn vào số tiền 243.799.892 đồng mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 193.799.892 đồng.

Chị K cho rằng sau khi chị nhận tiền của anh N thì chị đưa lại cho chị H1. Về vấn đề này, chị K có quyền khởi kiện một vụ án khác đối với chị H1 nếu có yêu cầu.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đối với nội dung tính tiền lãi. Vì vậy, kháng cáo của chị Trần Gia Hoài K được chấp nhận một phần.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của chị Trần Gia Hoài K.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Áp dụng các điều 147, 148, 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 463, 466, 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Lâm Chí N.

Buộc chị Trần Gia Hoài K có trách nhiệm trả cho anh Trần Lâm Chí N số tiền là 193.799.892đ (một trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Lâm Chí N về việc buộc anh Nguyễn Văn L liên đới cùng chị Trần Gia Hoài K trả nợ cho anh Trần Lâm Chí N.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Gia Hoài K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 9.689.994đ (chín triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho anh Trần Lâm Chí N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010675 ngày 05 tháng 12 năm 2022 và 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003578 ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho chị Trần Gia H2 Khang số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0003779 ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Trang